

Ngày nhận bài: 22/01/2025; Ngày thẩm định: 23/02/2025; Ngày duyệt đăng: 27/02/2025.

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TIẾNG ANH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY ĐÁP ỨNG MỤC TIÊU XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN THẬT SỰ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, CHÍNH QUY, TINH NHUỆ, HIỆN ĐẠI

Thượng tá, ThS TRẦN VĂN AN

Trưởng khoa Khoa học cơ bản và Ngoại ngữ, Trường Đại học PCCC

*Tác giả liên hệ: Trần Văn An (Email: antv79@gmail.com)

Tóm tắt: Bài viết này đề cập những thuận lợi, khó khăn trong việc áp dụng chuẩn đầu ra môn tiếng Anh tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm thực hiện tốt chuẩn đầu ra tiếng Anh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao năng lực tiếng Anh cho học viên, góp phần xây dựng nguồn nhân lực phòng cháy chữa cháy theo tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Từ khóa: chuẩn đầu ra, tiếng Anh, đào tạo, Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy.

Abstract: This article discusses the enablers and barriers in implementing the English graduation benchmark policy at the University of Fire Prevention and Fighting. Accordingly, the author makes a number of recommendations to achieve students' English learning outcomes, and improve English teaching quality, contributing to developing human resources for fire prevention and fighting following Resolution No. 12-NQ/TW of the Politburo.

Keywords: graduation benchmark, English, teaching, University of Fire Prevention and Fighting.

1. Đặt vấn đề

Ngày 16/3/2022 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 12-NQ/TW về “đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân (CAND) thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới” với mục tiêu tổng quát là: “Phấn đấu đến năm 2030 lực lượng Công an nhân dân chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Trong đó, xây dựng lực lượng CAND hiện đại đòi hỏi nghiên cứu ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ của thế giới phục vụ cho công tác, đầu tư cơ sở vật chất hiện đại và đào tạo cán bộ chiến sỹ có trình độ tương ứng với bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

đất nước và hội nhập quốc tế [9]. Để thực hiện được mục tiêu này, nâng cao năng lực ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh cho cán bộ chiến sỹ Công an là nhiệm vụ có vai trò hết sức quan trọng. Năng lực tiếng Anh thường được gắn với sự phát triển kinh tế, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế [8]. Vì vậy, Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030 trong CAND” nêu rõ: “Phấn đấu đến năm 2030, đa số cán bộ, chiến sỹ trong CAND có đủ khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong công việc và làm việc trong môi trường quốc tế” [1].

Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ trong công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng

cao, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự trong thời kỳ hội nhập, Bộ Công an luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Gần đây nhất, Bộ ban hành Hướng dẫn số 11/HD-BCA-X02 ngày 11/07/2022 về xây dựng chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học trong Công an nhân dân [2]. Trong đó, quy định CDR ngoại ngữ là có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam với trình độ Đại học và có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam đối với trình độ Thạc sỹ. Đối với Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (PCCC), quy định CDR đối với các hệ đào tạo trong đó có CDR với năng lực tiếng Anh đã được ban hành và thực hiện chính thức từ năm 2015. Các chương trình đào tạo các trình độ Đại học và Thạc sỹ tại Trường Đại học PCCC được xây dựng lại gần đây đều tuân thủ theo hướng dẫn của Bộ Công an. Đánh giá quá trình đào tạo theo hướng đáp ứng CDR là một hình thái đánh giá hiện đại, xuất phát từ đường hướng giáo dục theo sản phẩm đầu ra (outcome-based education) [12]. CDR đóng vai trò quan trọng như tạo cơ sở để xây dựng chương trình đào tạo, lựa chọn giáo trình tài liệu giảng dạy và học tập; là thước đo để đánh giá năng lực người học, thông qua đó để đánh giá chất lượng dạy và học, đồng thời giúp đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo.

Thực tế áp dụng CDR tiếng Anh tại Trường Đại học PCCC có một số thuận lợi, bước đầu tạo chuyển biến trong nhận thức, hành động của giảng viên và học viên. Chất lượng dạy và học môn tiếng Anh đã có những thay đổi tích cực. Tuy nhiên, việc thực hiện giảng dạy học tập đáp ứng CDR theo quy định còn bộc lộ nhiều khó khăn, bất cập. Vì vậy bài viết này đề cập những thuận lợi, khó khăn trong việc áp dụng CDR môn tiếng Anh. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm thực hiện tốt CDR tiếng Anh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao năng lực tiếng Anh cho học viên, góp phần xây dựng nguồn

nhân lực PCCC theo tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện chuẩn đầu ra tiếng Anh tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy

2.1. Thuận lợi

Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học PCCC đề cao và trò ngoại ngữ đặc biệt là tiếng Anh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay; vì vậy luôn quan tâm chỉ đạo và đề ra giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh. Ngoài việc chỉ đạo xây dựng và áp dụng CDR các trình độ đào tạo trong đó có năng lực tiếng Anh của học viên, nhà trường giao cho các đơn vị chức năng tổ chức đánh giá chuẩn đầu vào và giao cho Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (nay là Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học) tổ chức giảng dạy tăng cường cho học viên không đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào (Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam). Nhà trường quan tâm đầu tư hoặc đề xuất Bộ công an đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, học tập như phòng thực hành ngoại ngữ, thiết bị nghe, nhìn. Bên cạnh đó, giảng viên tiếng Anh được tạo điều kiện tham gia học tập, đi thực tế để nâng cao trình độ. Các cuộc thi tiếng Anh được tổ chức hàng năm góp phần thúc đẩy phong trào học tiếng Anh trong học viên. Trong các hoạt động dạy giỏi cấp trường, cấp bộ, lãnh đạo nhà trường ưu tiên mời chuyên gia sư phạm trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ đến đánh giá bài giảng giảng viên Khoa Khoa học cơ bản và ngoại ngữ (Khoa 2).

Một yếu tố quan trọng để có thể thực hiện thành công CDR tiếng Anh đó chính đội ngũ giảng viên. Có thể nói yếu tố con người được xác định là yếu tố quan trọng quyết định sự thành công trong đổi mới giáo dục. Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020” được phê duyệt theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ là minh chứng cho điều này. Một trong mục tiêu quan trọng của Đề án là đào tạo nâng cao năng lực của đội ngũ giáo viên (Le, 2020) vì tại thời điểm bắt đầu thực hiện đề án chỉ có khoảng 10% trong số 80.000 giáo viên tiếng Anh thuộc các trường

công lập trên toàn quốc đạt chuẩn theo quy định [3]. Học giả Le [8] nêu quan điểm tương tự rằng nâng cao năng lực tiếng Anh của học sinh, sinh viên đạt ngưỡng chuẩn đầu ra theo quy định là rất khó khăn do cơ hội tiếp cận tiếng Anh và nguồn giáo viên chất lượng cao không đồng đều trên cả nước. Giảng viên tiếng Anh tại Khoa Khoa học cơ bản và ngoại ngữ, Trường Đại học PCCC nhìn chung có tuổi đời tương đối trẻ, năng động, nhiệt huyết, tích cực đổi mới, sáng tạo trong giảng dạy. Đặc biệt các đồng chí có năng lực tiếng Anh tốt, tương đối đồng đều ở tất cả các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Điều này rất quan trọng vì khi đào tạo theo CDR học viên sẽ được đánh giá tất cả các kỹ năng này.

Quy định về CDR dựa trên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (VSTEP) nên có mô tả chi tiết và rõ ràng cho từng bậc, giúp người học, giáo viên, và các Nhà trường dễ dàng hiểu và áp dụng. Mỗi bậc trong khung năng lực này mô tả cụ thể những kỹ năng ngôn ngữ cần đạt được trong các lĩnh vực như nghe, nói, đọc, và viết. Căn cứ trên mô tả đó, giảng viên có thể thiết kế chương trình giảng dạy phù hợp với từng trình độ của học viên, lựa chọn phương pháp giảng dạy và tài liệu giảng dạy. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, đánh giá đối với người học được chuẩn hóa; các tiêu chí đánh giá rõ ràng, toàn diện giúp xây dựng hệ thống bài kiểm tra, thi chính xác và khách quan hơn.

2.2. Khó khăn

Ngoài những yếu tố thuận lợi nêu trên, việc thực hiện CDR gặp rất nhiều khó khăn, bất cập. Về phía cơ chế chính sách, trước đây, thực hiện quy định của Bộ Công an, các trường đều liên kết với các đơn vị được tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ ngoại ngữ cho học viên. Chứng chỉ ngoại ngữ là một trong những điều kiện để xét tốt nghiệp. Đánh giá được thực hiện bởi bên độc lập tạo động lực cho giảng viên và học viên nỗ lực hơn trong dạy và học. Tuy nhiên, Hướng dẫn số 11/HD-BCA-X02 về xây dựng CDR dùng từ “năng lực ngoại ngữ” thay cho từ “trình độ ngoại ngữ” đối với trình độ đào tạo đại học và văn bản số 1510/X02-P5 thông báo ý kiến của lãnh đạo Bộ về công tác đào

tạo chuẩn đầu ra trong các trường CAND có nêu: “Không lấy điều kiện thực hiện chuẩn đầu ra không được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo do các trường CAND quy định để xem xét điều kiện tốt nghiệp cho học viên của tất cả các khóa học, hệ học”[5]. Như vậy, văn bản chưa quy định rõ ràng có bắt buộc học viên phải có chứng chỉ VSTEP hoặc tương đương để được xét tốt nghiệp hay không. Đồng thời, học viên cũng không nhất thiết phải đảm bảo yêu cầu trình độ đầu vào. Ngoài ra, các quy định của Bộ Công an và nhà trường cấm sử dụng trang thiết bị như: máy tính, điện thoại trong giờ học cũng gây khó khăn trong việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, công nghệ thông tin, truyền thông trong giảng dạy.

Liên quan đến giảng viên, mặc dù đội ngũ giảng viên về cơ bản đáp ứng yêu cầu trình độ để thực hiện quy định CDR, nhưng giảng viên chưa được đào tạo một cách bài bản về công tác thi, kiểm tra đánh giá theo CDR. Một số đồng chí giảng viên đã tham gia các lớp về kiểm tra đánh giá do Cục Đào tạo tổ chức. Tuy nhiên, đối tượng tham gia là giảng viên dạy các môn học khác nhau nên nội dung không tập trung vào kiểm tra đánh giá trong lĩnh vực ngoại ngữ, đặc biệt là đánh giá năng lực dựa trên 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Vấn đề này càng trở nên quan trọng khi mà Bộ không còn chủ trương bắt buộc các trường tổ chức cho học viên thi lấy chứng chỉ năng lực ngoại ngữ đánh giá CDR, làm điều kiện tốt nghiệp mà CDR chỉ thể hiện qua việc học viên hoàn thành tất cả các học phần tiếng Anh. Trong khi đó, chúng ta không thể khẳng định được ngân hàng câu hỏi kiểm tra, thi kết thúc học phần đảm bảo đánh giá chính xác năng lực học viên theo CDR vì giảng viên hầu như chưa được tập huấn về nội dung này.

Đối với chương trình đào tạo, thời lượng dành cho môn tiếng Anh là 154 tiết giảng (50 phút/1 tiết) dành cho tiếng Anh tổng quát và 75 tiết giảng dành cho tiếng Anh chuyên ngành. Do đó, số tiết giảng trực tiếp thực hiện CDR là 154 tiết giảng. Trong khi đó, theo đề nghị của tác giả Desveaux [6], để đạt mỗi bậc theo Khung tham chiếu 6 bậc Châu Âu (tương đương VSTEP) cần tối thiểu 200 giờ học trên lớp (tương

đương 240 tiết giảng). Như vậy, thời lượng dành cho môn tiếng Anh không đủ để đạt trình độ CĐR là Bậc 3, ngay cả đối với các học viên đạt trình độ đầu vào là Bậc 2. Trong khi đó, theo kết quả đánh giá của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học đa số học viên chưa đạt trình độ A1. Nếu không tổ chức kiểm tra phân loại đầu vào và tổ chức học phụ đạo thì việc thực hiện CĐR là bất khả thi.

Yếu tố học viên có lẽ là vấn đề lớn nhất. Qua kết quả đánh giá năng lực đầu vào được thực hiện đầu các khóa học trong những năm vừa qua cho thấy năng lực tiếng Anh đầu vào của học viên trường Đại học PCCC vừa thấp vừa không đồng đều. Kết quả kiểm tra do Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học tổ chức đối với các khóa D36, D37, D38 Đại học chính quy trong ngành Công an cho thấy chỉ có lần lượt 14%, 20% và 17% học viên đạt trình độ đầu vào là Bậc 2 (trình độ đầu vào tối thiểu để có thể đạt trình độ bậc 3 sau khi kết thúc chương trình chính khóa). Đây là các khóa đào tạo trình độ Đại học chính quy, trong ngành Công an. Thực tế trình độ đầu vào các lớp thuộc hệ đào tạo khác có thể còn thấp hơn. Phạm và Bui [10] cho rằng việc áp dụng CĐR đối với tất cả các đối tượng mà không xét đến các yếu tố liên quan đến giảng dạy và học tập là chính sách quá tham vọng và không khả thi. Trình độ đầu vào thấp, không đồng đều sẽ gây khó khăn cho việc lựa chọn giáo trình, tài liệu, phương pháp giảng dạy của giảng viên. Nếu lựa chọn đưa ra lựa chọn phù hợp với năng lực theo quy định của CĐR thì đa số học viên sẽ không thể đáp ứng được. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng học viên có năng lực đầu vào thấp thường chịu tác động tiêu cực như lo lắng, căng thẳng, thiếu tự tin và động lực học [10].

Phong cách học tập thụ động và thiếu động lực học ở học viên cũng là yếu tố cản trở lớn đối với việc thực hiện CĐR. Thói quen học tập thụ động được hình thành từ quá trình học ở phổ thông. Lấy giáo viên làm trung tâm, học sinh lắng nghe, nhắc lại ghi chép cấu trúc ngữ pháp, từ vựng giáo viên trình bày lên bảng là mô hình học ngoại ngữ điển hình ở các trường phổ thông [11]. Thi, kiểm tra chỉ tập trung vào đánh giá ngữ pháp, từ vựng, đề cao sự chính xác khiến giáo

viên và học viên cũng chỉ tập trung vào những khía cạnh này. Theo quan điểm của Phạm và Bui [10], việc học viên chỉ chú trọng nhớ quy tắc ngữ pháp và giảng dạy theo hướng phục vụ cho thi cử do áp lực về điểm số, thành tích dẫn đến thực tế là học sinh có rất ít cơ hội được thực hành và cải thiện kỹ năng giao tiếp. Điều này chính là nguyên nhân chính gây nên thói quen học tập thụ động và học sinh mang theo khi bước vào giảng đường đại học. Trong nghiên cứu thực hiện tại các học viện và trường CAND, Tác giả Trần [13] kết luận rằng một trong những lý do cản trở giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực là học viên quá thụ động, không tích cực tham gia các hoạt động do giảng viên tổ chức trong lớp. Bên cạnh đó, thiếu động lực học ở học viên làm trầm trọng thêm vấn đề này. Trong khi ngoại ngữ thường là thể mạnh, tăng cơ hội việc làm cho sinh viên các trường ngoài lực lượng vũ trang, điều này dường như không phải như vậy đối với học viên các trường CAND. Có thể nói, đối với phần lớn học viên, động lực học chính của các em là để “qua môn” (theo cách nói của học viên).

3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo môn tiếng Anh đáp ứng chuẩn đầu ra

3.1. Về phía nhà trường

Các đơn vị chức năng cần có kiến nghị với Cục Đào tạo tiếp tục thực hiện kiểm tra chuẩn đầu vào và tổ chức thi chứng chỉ VSTEP theo CĐR cho học viên. Đối với học viên không đáp ứng năng lực đầu vào là Bậc 2, bắt buộc tham gia lớp phụ đạo do Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học tổ chức. Đề xuất Cục Đào tạo hoặc Nhà trường cấp kinh phí để giảng viên tiếng Anh tham gia khóa bồi dưỡng đề thi theo định dạng đề thi VSTEP tại các cơ sở uy tín như trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy dành riêng cho giảng viên tiếng Anh (hiện nay các lớp thường hướng đến giảng viên tất cả các môn).

Với thời lượng dành cho môn tiếng Anh hạn chế, đầu tư cho cơ sở vật chất, tài liệu phục vụ cho tự học ngoài giờ lên lớp của học viên đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Đây là tiền đề để có thể biến quá trình

đào tạo thành tự đào tạo. Xem xét cho phép giáo viên và học viên sử dụng các thiết bị như máy tính, điện thoại thông minh trong lớp học ngoại ngữ. Kết nối internet cho các phòng học ngoại ngữ để phục vụ cho giảng dạy và học tập. Đầu tư trang cấp cho thư viện phần mềm tự học tiếng Anh, tài liệu tự học đặc biệt các tài liệu luyện thi VSTEP để phục vụ cho việc tự học của học viên.

3.2. Về phía giảng viên tiếng Anh

Giảng viên chủ động nghiên cứu kỹ mô tả tổng quát cũng như chi tiết cho từng kỹ năng ở các bậc tương ứng với CDR ở các bậc, hệ đào tạo. Khi hiểu rõ yêu cầu về các kỹ năng ngôn ngữ theo bậc, giảng viên có thể chọn phương pháp và tài liệu giảng dạy hiệu quả, đảm bảo học viên phát triển đồng đều các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Hiểu thấu đáo khung năng lực giúp giảng viên thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra, giúp đo lường đúng năng lực của học viên. Giảng viên truyền đạt yêu cầu về năng lực để học viên nắm và có kế hoạch học tập hướng đến đạt CDR.

Giảng viên thường xuyên tham gia hoạt động phát triển chuyên môn, chủ động tự học, tự nghiên cứu, không chỉ phụ thuộc vào các hoạt động phát triển chuyên môn do Bộ Công an và trường tổ chức. Các nhà nghiên cứu chỉ ra rằng các hoạt động chính thức, áp đặt từ trên xuống thường có tác động rất hạn chế đối với sự phát triển chuyên môn của giảng viên [7, 8]. Bên cạnh đó, giảng viên cần tích cực tham gia các hoạt động mang tính hợp tác như hỗ trợ chuyên môn (coaching/mentoring), dự giờ, cộng đồng thực hành/chuyên môn (community of practice). Các nghiên cứu chỉ ra rằng các hoạt động này rất hiệu quả trong phát triển chuyên môn cho giảng viên vì gắn liền với bối cảnh giảng dạy cụ thể của giảng viên [4].

Trong giảng dạy, giảng viên luôn quán triệt cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm. Để làm được việc đó, giảng viên cần tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực tổ chức các hoạt động theo cặp, nhóm, dạy học theo dự án, v.v để học viên có nhiều cơ hội được thực hành. Lựa chọn, lồng ghép trò chơi cũng là cách làm hiệu quả giúp nâng cao hứng thú với bài học, môn học. Tăng cường ứng dụng công

nghệ thông tin và truyền thông trong giảng dạy. Ví dụ, giảng viên có thể ứng dụng các phần mềm LMS (Learning Management System) để tổ chức giảng dạy kết hợp (blended learning), giúp dễ dàng quản lý nội dung học tập, tài liệu, bài giảng, và hỗ trợ học viên ngoài giờ lên lớp. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt của Câu lạc bộ tiếng Anh dành cho học viên để tạo sân chơi bổ ích, tạo cơ hội thực hành và khuyến khích phong trào học tập tiếng Anh.

3.3. Về phía học viên

Thứ nhất, học viên phải xác định đúng động cơ học tập ngoại ngữ. Học viên cần hiểu rằng học ngoại ngữ không chỉ đáp ứng được CDR và kết thúc khi hoàn thành các học phần tiếng Anh trong chương trình mà phải nhận thức rằng việc học còn kéo dài hết quá trình học ở trường và cả quá trình công tác sau này. Vì có như thế học viên mới duy trì và phát triển được năng lực ngoại ngữ để phục vụ cho công tác và cuộc sống.

Thứ hai, học viên cần đẩy mạnh việc tự học ngoại ngữ. Vì thời gian học trên lớp, về mặt lý thuyết là không đủ để đạt được năng lực theo CDR nên học viên tận dụng thời gian ngoài giảng đường để tự luyện tập. Với máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối mạng internet, học viên có thể sử dụng các trang web học tiếng Anh ví dụ BBC learning. Có thể xem phim, chương trình truyền hình, và podcast bằng tiếng Anh, vừa học ngôn ngữ một cách tự nhiên vừa hiểu thêm về văn hóa. Với các em có điều kiện kinh tế hơn có thể đăng ký các lớp học online ngoài giờ hoặc đăng ký học cùng với người bản xứ để thực hành kỹ năng giao tiếp. Tham gia các nhóm, cộng đồng học tiếng Anh trên các mạng xã hội cũng là một kênh học tập hiệu quả, thú vị.

Thứ ba, tự nghiên cứu hoặc thông qua tư vấn của giảng viên để nắm rõ yêu cầu đối với CDR ngoại ngữ. Trên cơ sở đó, học viên có thể đặt ra các mục tiêu, lập kế hoạch học tập và rèn luyện các kỹ năng cần thiết để đạt được mục tiêu đó. Dựa vào các tiêu chí của CDR, học viên có thể tự đánh giá khả năng của mình qua từng giai đoạn học tập, từ đó biết được mình đã đạt đến mức nào và còn yếu ở đâu để kịp thời điều chỉnh.

4. Kết luận

Để góp phần nâng cao chất lượng bồi dưỡng nguồn nhân lực CAND đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đào tạo ngoại ngữ cho học viên các trường CAND là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Xây dựng và áp dụng CĐR giúp định hướng quá trình giảng dạy và học tập, cải thiện chất lượng giảng dạy và kiểm tra đánh giá. Thời gian qua việc áp dụng CĐR trong đào tạo ngoại ngữ tại Trường Đại học PCCC có một số thuận lợi nhưng còn không ít những khó khăn, bất cập. Nhìn thẳng vào những mặt tồn tại, đánh giá đúng tình hình thực tế và mạnh dạn đổi mới thì chúng ta mới có thể nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng CĐR theo quy định, đào tạo ra cán bộ, chiến sỹ PCCC đủ khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong công việc và làm việc trong môi trường quốc tế. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2020), *Kế hoạch số 381/KH-BCA về thực hiện Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 -2030 trong CAND”*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2022), *Hướng dẫn số 11/HD-BCA-X02 về xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học trong Công an nhân dân*, Hà Nội.
3. Bui, T. T. N., & Nguyen, H. T. M. (2016), *Standardizing English for Educational and Socioeconomic Betterment- A Critical Analysis of English Language Policy Reforms in Vietnam*. In R. Kirkpatrick (Ed.), *English Language Education Policy in Asia* (pp. 363-388). Springer International Publishing.
4. Cavazos, L., Linan-Thompson, S., & Ortiz, A. (2018), *Job-Embedded Professional Development for Teachers of English Learners: Preventing Literacy Difficulties Through Effective Core Instruction*. *Teacher Education and Special Education*, 41(3), 203–214. <https://doi.org/10.1177/0888406418758465>.
5. Cục Đào tạo (2024), *1510/X02-P5 thông báo ý kiến của lãnh đạo Bộ về công tác đào tạo chuẩn đầu ra trong các trường CAND*, Hà Nội.
6. Desveaux, S. (2013), *Guided learning hours*. In Cambridge English Language Assessment <http://support.cambridgeenglish.org/hc/en-gb/articles/202838506-Guided-learning-hours>.
7. Kennedy, A. (2005), *Models of continuing professional development: A framework for analysis*. *Journal of in-service education*, 31(2), 235-250. <https://doi.org/10.1080/13674580500200277>.
8. Le, C. V. (2020), *English language teaching in Vietnam: Aspirations, realities, and challenges*. In C. V. Le, H. T. M. Nguyen, M. T. T. Nguyen, & R. Barnard (Eds.), *Building Teacher Capacity in English Language Teaching in Vietnam - Research, Policy and Practice* (pp. 8-22). Routledge.
9. Lê Thế Cương (2022), *Một số điểm mới của Nghị quyết 12 về xây dựng lực lượng CAND trong tình hình mới*, Công an nhân dân, <https://cand.com.vn/van-de-hom-nay-thoi-su/mot-so-diem-moi-cua-nghi-quyet-12-ve-xay-dung-luc-luong-cand-trong-tinh-hinh-moi-i661757/>.
10. Pham, T. N., & Bui, L. T. P. (2019), *An exploration of students’ voices on the English graduation benchmark policy across Northern, Central and Southern Vietnam*. *Language Testing in Asia*, 9(1), 15. <https://doi.org/10.1186/s40468-019-0091-x>.
11. Phuong, H. Y. (2017). *Improving English language teaching in Vietnam: Voices from university teachers and students*. *Current Politics and Economics of South, Southeastern, and Central Asia*, 26(3), 285–310.
12. Srivastava S. K. & Agnihotri K. (2022), *A Study on Modern Teaching Pedagogy with Special Reference to Outcome Based Education System*, *Int. J. Business Excellence*, 26 (1), 95-114.
13. Tran, V. A. (2023), *Barriers to professional development engagement of EFL teachers at higher education institutions in the Ministry of Public Security*. *2023 International Graduate Research Symposium*.